

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 10,500 VNĐ |         |         |
| 31/03/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | -16.7%     | 5.0%    | 6.1%    |

|                       |                |
|-----------------------|----------------|
| Sàn giao dịch         | UPCOM          |
| Khoảng giá 52 tuần    | 7,776 - 12,600 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)      | 299            |
| Số lượng CPLH (CP)    | 28,499,764     |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 165            |
| Sở hữu nước ngoài     | 0.2%           |
| Beta                  | 0.18           |
| EPS                   | 946            |
| P/E                   | 11.1           |

DT thuần

Q1/24

32.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼695| -95.5%

YoY: ▲ 1.20| 3.9%

LN trước thuế

Q1/24

1.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.9| -93.2%

YoY: ▼0.19| -13.8%

LN sau thuế

Q1/24

0.92

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.7| -93.2%

YoY: ▼0.15| -13.7%

ROA

2023

2.5%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2023

1,288

tỷ VNĐ

YoY: ▼32.0| -2.4%

LN trước thuế

2023

34.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.20| 0.6%

LN sau thuế

2023

27.2

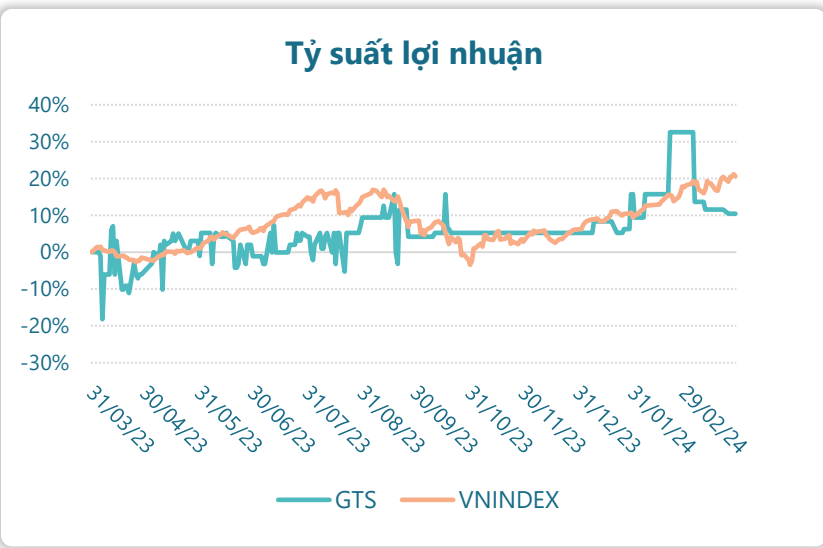
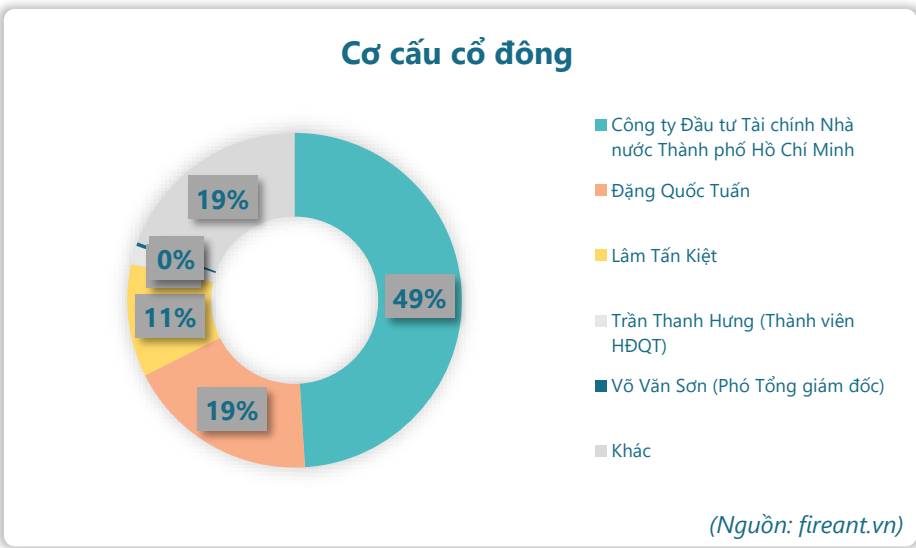
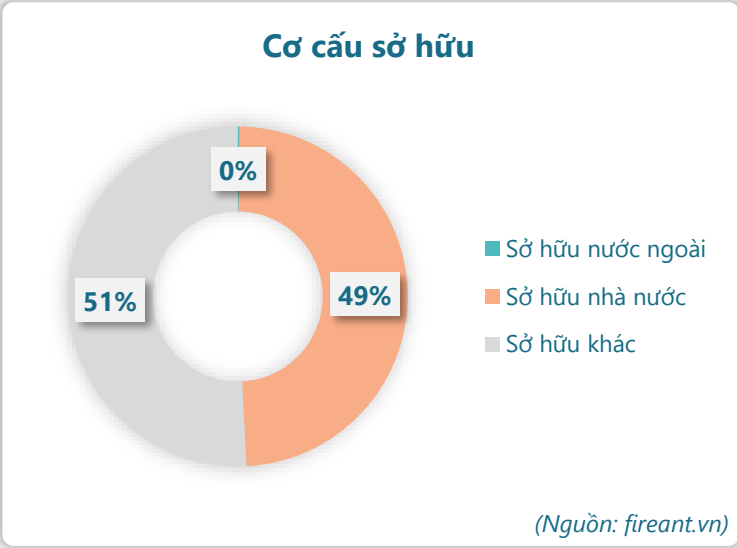
tỷ VNĐ

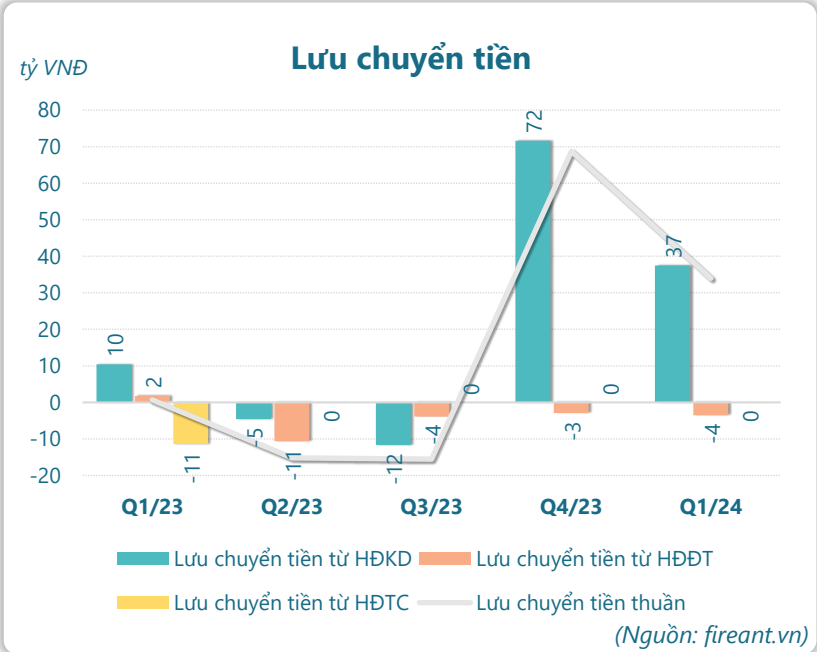
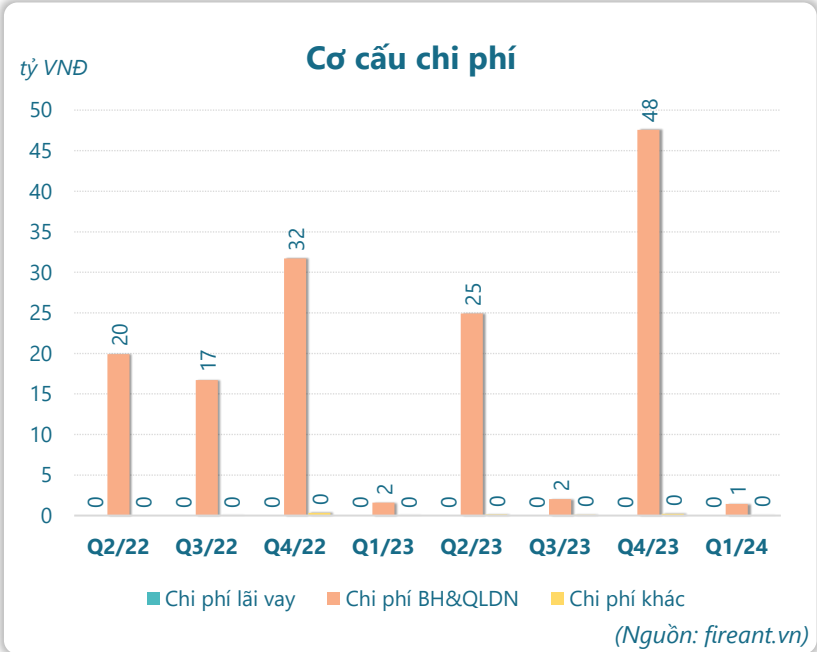
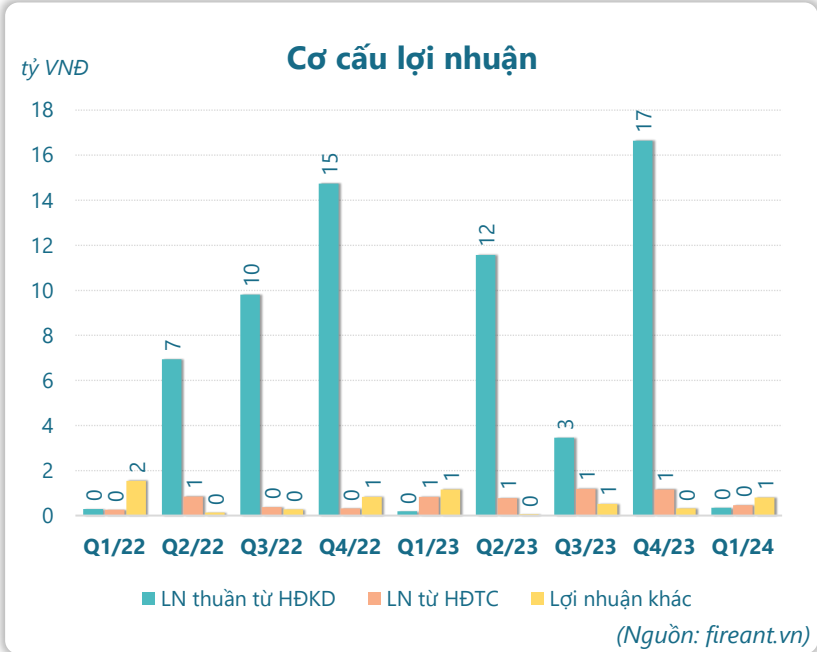
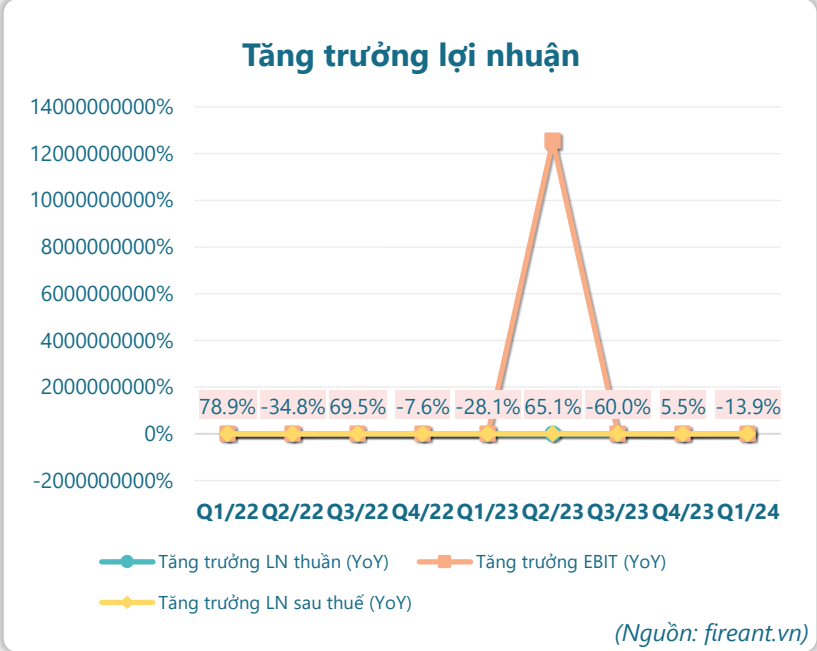
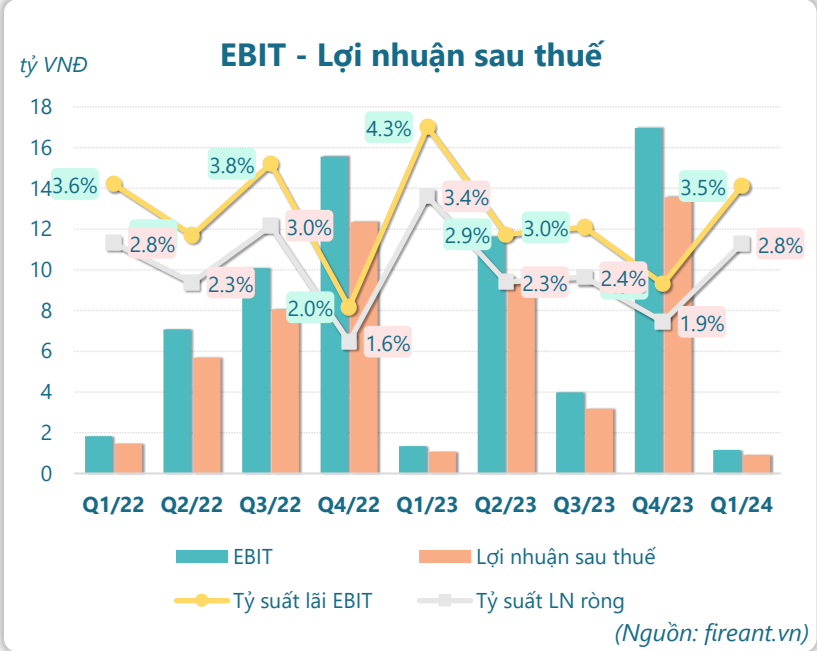
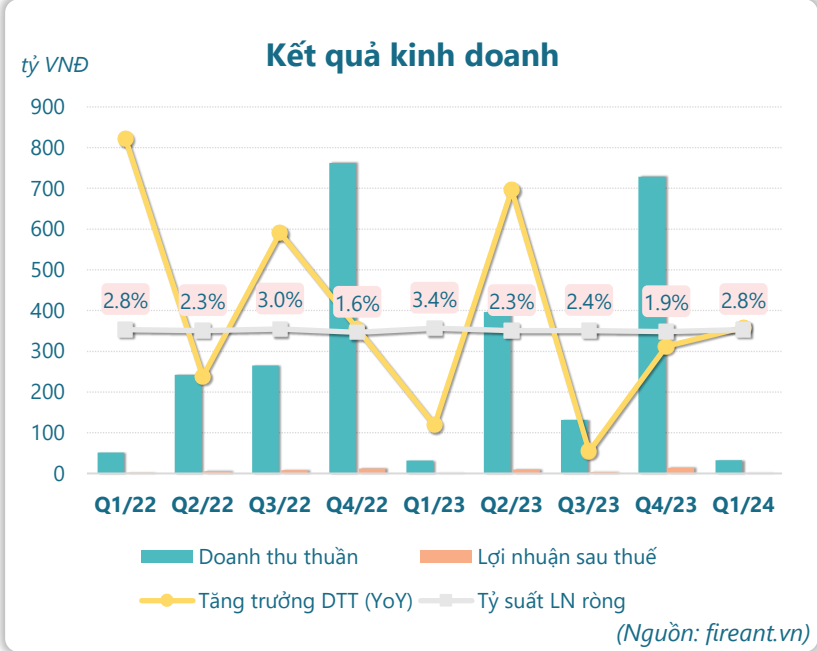
YoY: ▲ 0.20| 0.6%

ROE

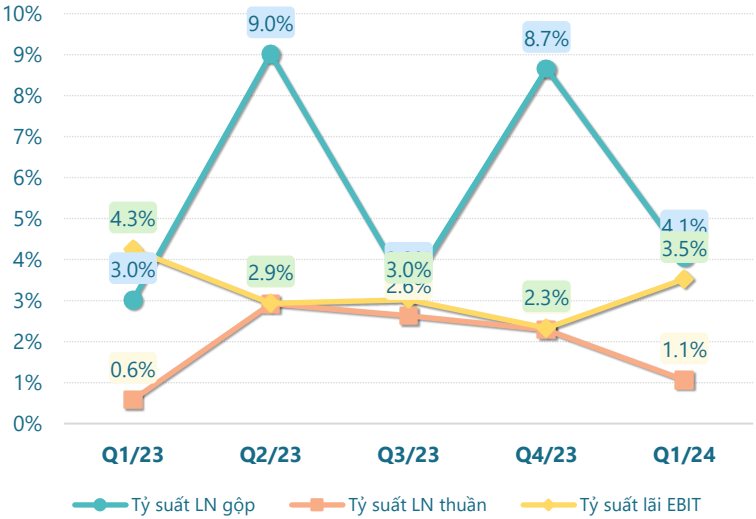
2023

8.6%



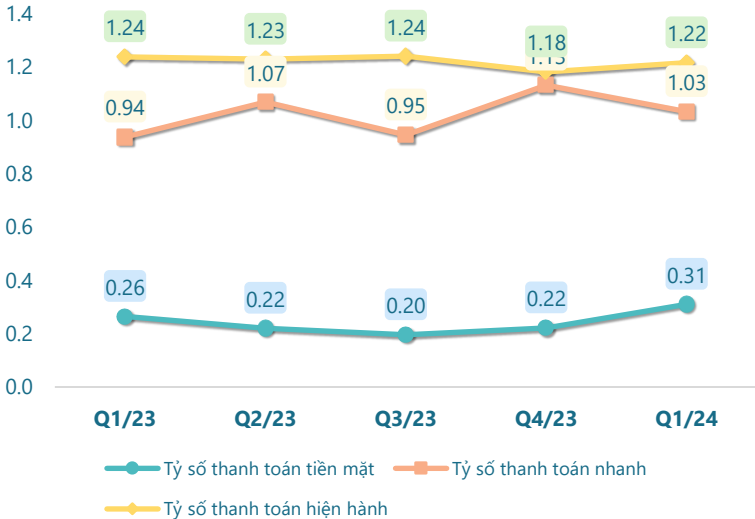


Tỷ suất lợi nhuận



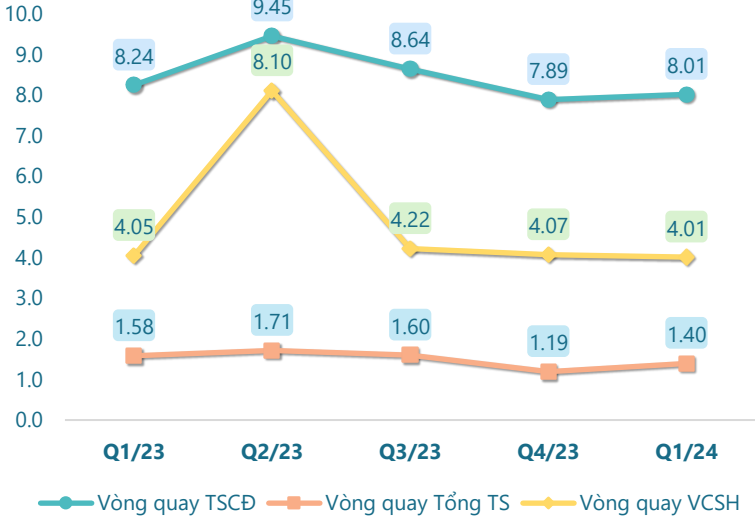
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



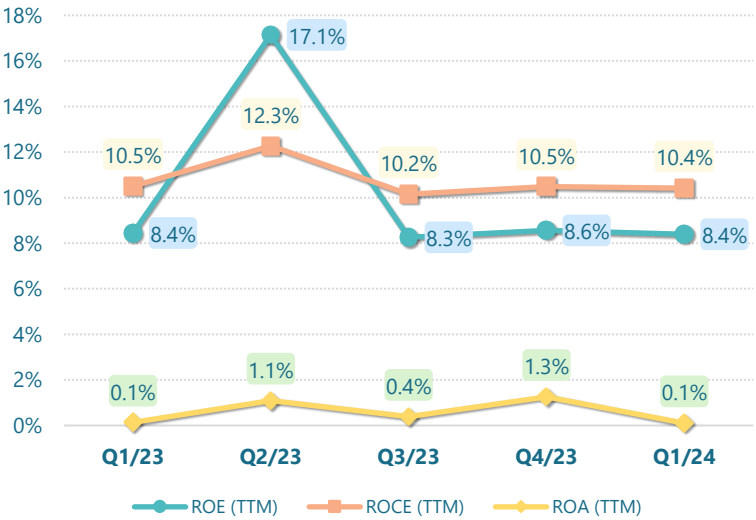
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



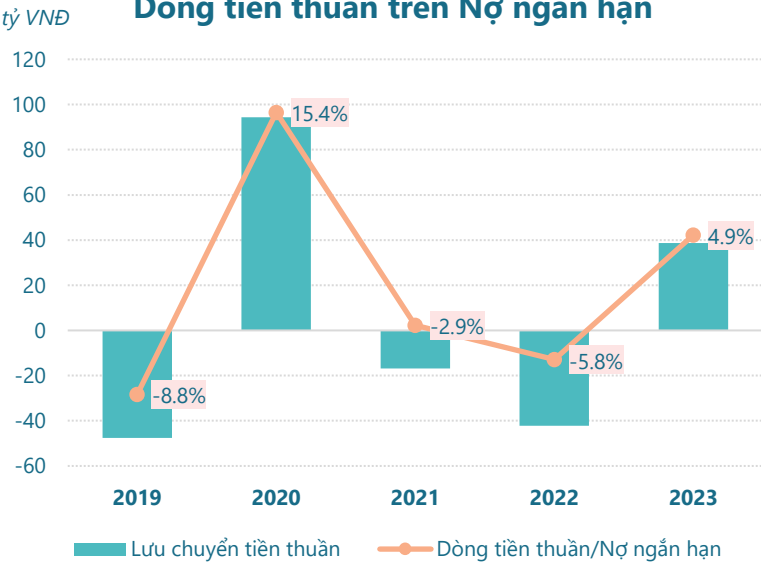
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



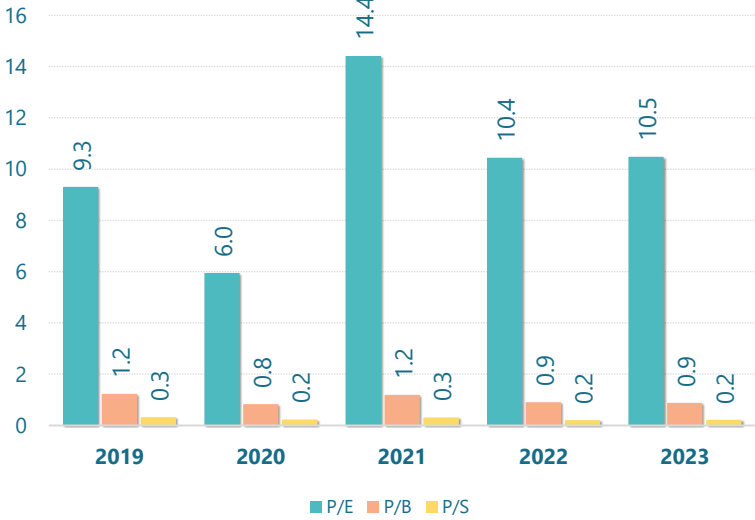
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)